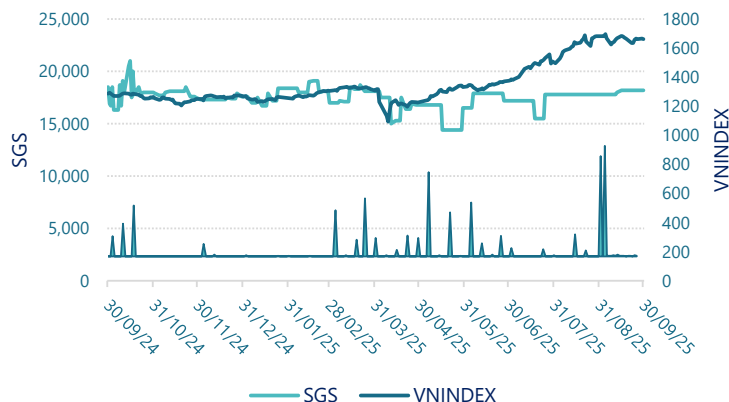




CTCP Vận tải Biển Sài Gòn (UPCOM: SGS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,400
SL cổ phiếu LH	14,420,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	870
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	262
P/E	14.1
EPS	1,293

DT thuần

Q3/25

33.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.70| -7.5%

YoY: ▼6.70| -16.8%

LN sau thuế

Q3/25

5.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.01| -16.7%

YoY: ▼1.35| -21.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

19.4%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

9T 2025

100

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.0| -24.2%

LN sau thuế

9T 2025

14.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00| -33.0%

ROE

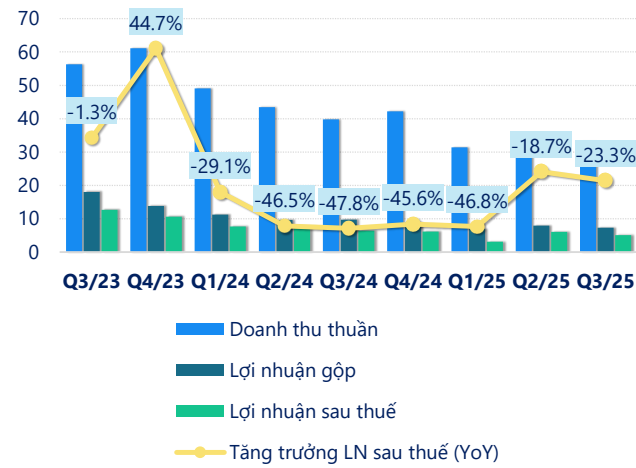
Q3/25

5.8%

+/- YoY: ▼ 4.9%

tỷ VNĐ

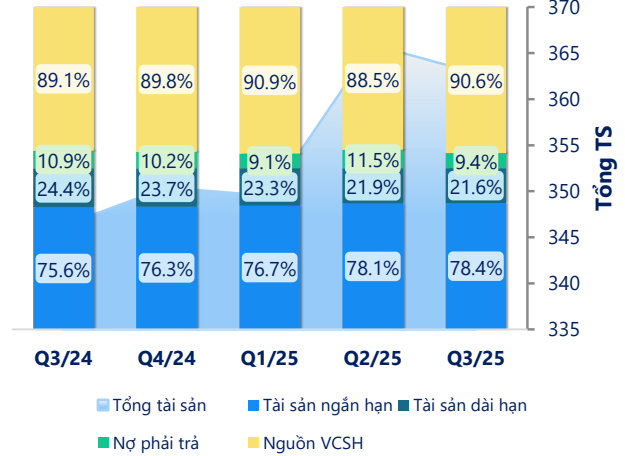
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

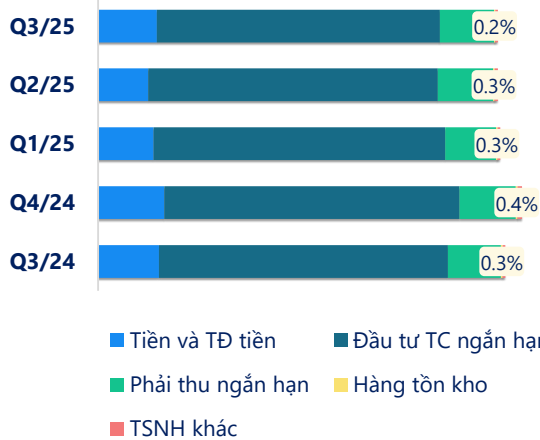
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



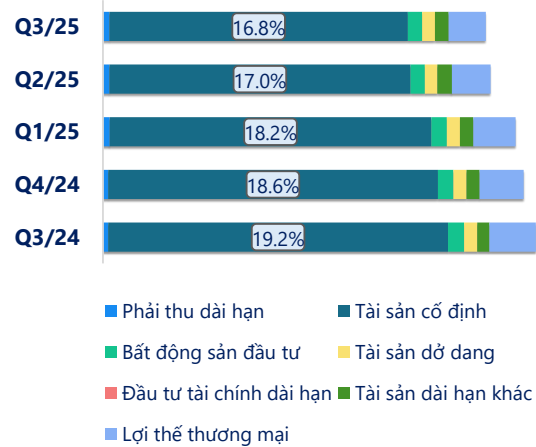
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

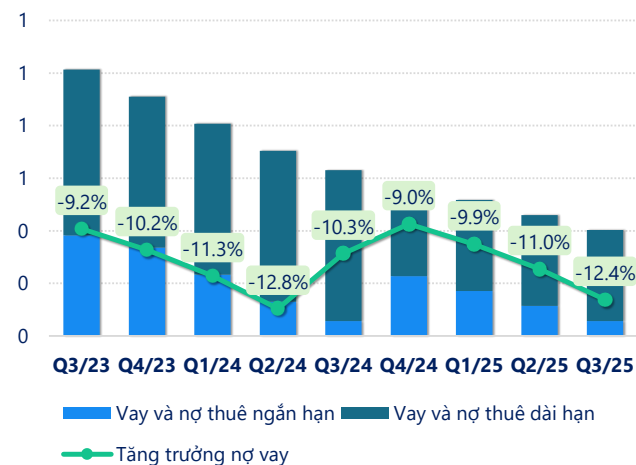
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

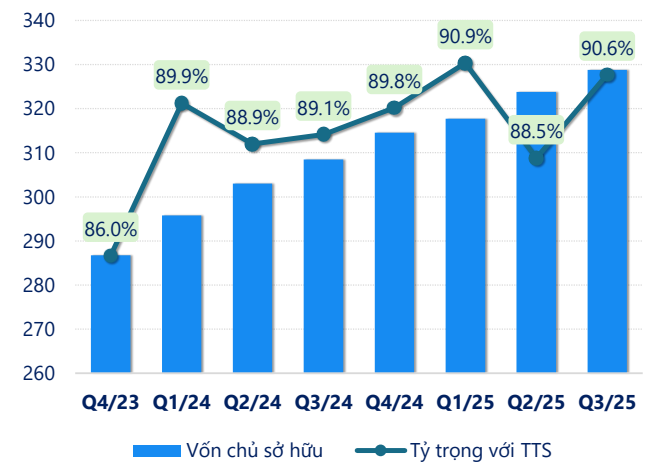
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

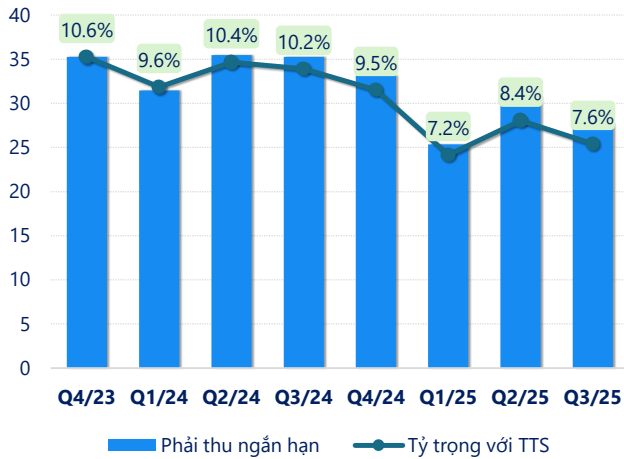
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



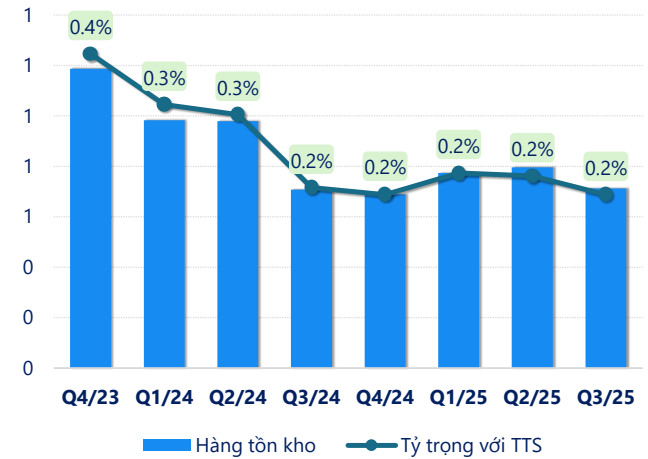
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


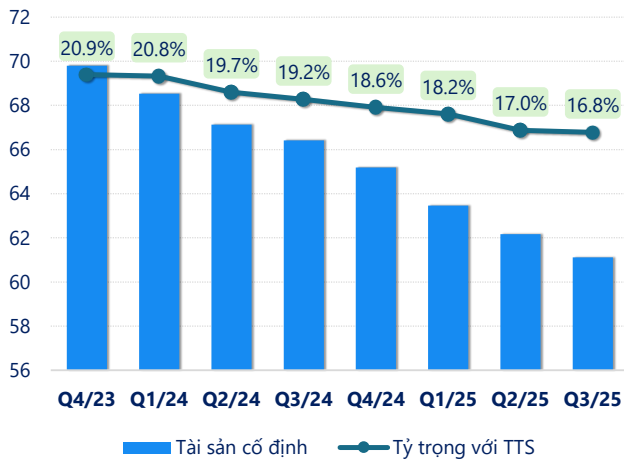
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


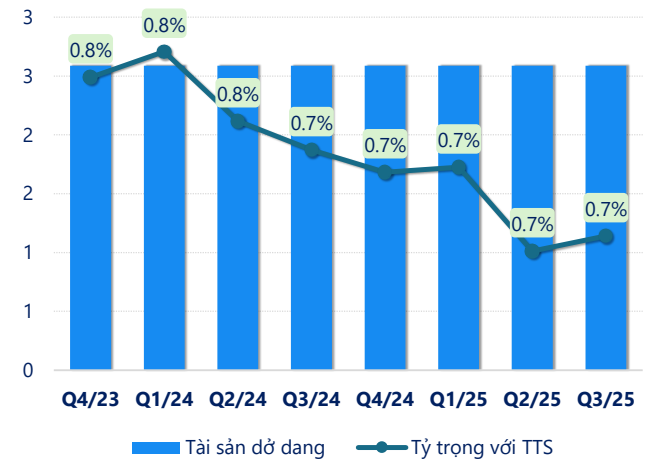
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

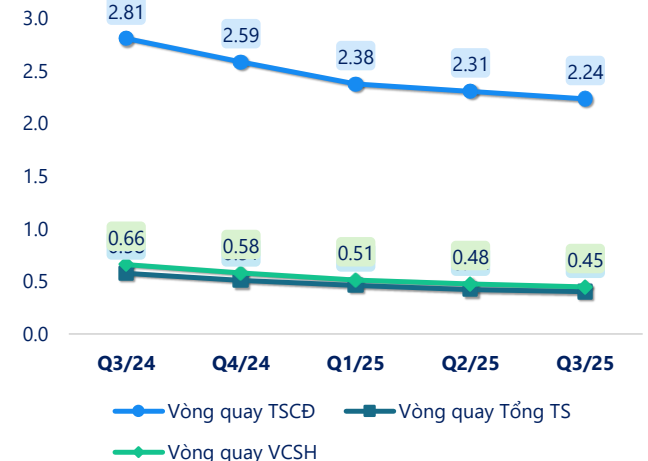
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	346	350	349	366	363
Tài sản ngắn hạn	262	267	268	286	284
Tiền và tương đương tiền	39.6	43.7	36.4	34.6	40.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	184	188	204	218	214
Phải thu ngắn hạn	35.2	33.1	25.3	30.8	27.7
Hàng tồn kho	0.71	0.69	0.77	0.80	0.71
Tài sản ngắn hạn khác	1.80	1.30	1.20	1.36	1.60
Tài sản dài hạn	84.6	83.2	81.4	80.0	78.4
Phải thu dài hạn	1.01	1.01	1.31	1.31	1.31
Tài sản cố định	66.4	65.2	63.5	62.2	61.1
Bất động sản đầu tư	3.13	3.08	3.04	2.99	2.94
Tài sản dở dang	2.59	2.59	2.59	2.59	2.59
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.39	2.61	2.65	2.97	2.81
Lợi thế thương mại	9.07	8.70	8.34	7.98	7.62
Nợ phải trả	37.8	35.8	31.8	42.1	34.0
Nợ ngắn hạn	29.2	27.5	23.4	33.8	25.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.06	0.23	0.17	0.11	0.06
Phải trả người bán ngắn hạn	10.3	10.9	8.06	14.5	7.30
Nợ dài hạn	8.57	8.35	8.35	8.35	8.35
Vay và nợ thuê dài hạn	0.57	0.35	0.35	0.35	0.35
Nguồn vốn chủ sở hữu	309	315	318	324	329
Vốn chủ sở hữu	309	315	318	324	329
Vốn điều lệ	144	144	144	144	144
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)